

Số: 14 /NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2017

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời gian gửi báo cáo và biểu mẫu báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương; kế hoạch tài chính-NSNN 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ NS địa phương; thời gian phê chuẩn và gửi báo cáo quyết toán ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Trên cơ sở Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2017;

Xét Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2017; Báo cáo thẩm tra số 189/BC-HĐND ngày 03/12/2018 của Ban Kinh tế-Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2017, cụ thể như sau:

I. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2017: 2.316.056 triệu đồng (Hai nghìn, ba trăm mười sáu tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu đồng); trong đó:

1. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước: 2.255.090 triệu đồng.
2. Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu: 24.550 triệu đồng.
3. Các khoản huy động đóng góp: 19.235 triệu đồng.
4. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách: 17.181 triệu đồng.

II. Thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương (không kể thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách) năm 2017: 6.020.987 triệu đồng (Sáu nghìn, không trăm hai mươi tỷ, chín trăm tám mươi bảy triệu đồng); trong đó:

1. Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 2.018.495 triệu đồng.
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 2.796.122 triệu đồng.
3. Thu từ kết dư năm trước: 407.017 triệu đồng.
4. Thu chuyển nguồn năm trước: 743.603 triệu đồng.
5. Thu viện trợ: 37.908 triệu đồng.
6. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách: 17.181 triệu đồng.
7. Thu vay ngân sách nhà nước (vay từ nguồn chính phủ vay cho vay lại): 661 triệu đồng.

III. Chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2017 (đã loại trừ phần chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách): 5.562.067 triệu đồng (Năm nghìn, năm trăm sáu mươi hai tỷ, không trăm sáu mươi bảy triệu đồng) trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 3.927.086 triệu đồng.
 - a) Chi đầu tư phát triển: 1.046.037 triệu đồng;
 - b) Chi thường xuyên: 2.880.049 triệu đồng;
 - c) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng.
2. Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia: 99.508 triệu đồng.
3. Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách: 17.181 triệu đồng.
4. Chi chuyển nguồn sang 2018 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ: 1.398.380 triệu đồng.
5. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên: 7.912 triệu đồng.
6. Chi trả nợ gốc (Ngân hàng phát triển): 112.000 triệu đồng.
(Chi tiết đính kèm Phụ lục 01).

IV. Kết dư ngân sách địa phương

Kết dư ngân sách địa phương năm 2017: 458.920 triệu đồng (Bốn trăm năm mươi tám tỷ, chín trăm hai mươi triệu đồng), trong đó:

- Kết dư ngân sách cấp tỉnh là: 372.247 triệu đồng (Ba trăm bảy mươi hai tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng);

- Kết dư ngân sách cấp huyện, thành phố là: 62.747 triệu đồng (Sáu mươi hai tỷ, bảy trăm bốn mươi bảy triệu đồng);

- Ngân sách xã, phường, thị trấn là: 23.926 triệu đồng (Hai mươi ba tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu đồng).

V. Xử lý kết dư ngân sách

1. Phần kết dư ngân sách cấp huyện, xã: 86.673 triệu đồng được chuyển vào thu ngân sách năm sau và Ủy ban nhân dân các cấp trình HĐND cùng cấp quyết định phân bổ theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Phần kết dư ngân sách cấp tỉnh 372.247 triệu đồng được chuyển vào thu ngân sách tỉnh năm 2018 và theo dõi xử lý như sau:

a) Phân bổ bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2018: 129.627 triệu đồng, trong đó tập trung chi trả nợ vay, chi đầu tư và một số nội dung chi an sinh xã hội cần thiết.

b) Phân bổ dự toán năm 2019: 182.297 triệu đồng.

c) Theo dõi xử lý đối với các khoản: 60.323 triệu đồng; trong đó đối với các khoản tạm ứng còn phải tiếp tục theo dõi thu hồi 2018: 45.855 triệu đồng.

(Chi tiết đính kèm phụ lục 02).

3. UBND tỉnh có trách nhiệm:

a) Một số khoản chi thống nhất phân bổ chi ngân sách năm 2018 từ nguồn kết dư ngân sách năm 2017, có một số khoản chi tạm ứng để xử lý những công việc đột xuất phát sinh (tại phụ lục số 2) chưa có ý kiến của HĐND tỉnh thống nhất, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị nghiêm túc rút kinh nghiệm; đồng thời, chỉ đạo điều hành ngân sách theo đúng quy định Luật ngân sách nhà nước.

b) UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh thống nhất trước khi triển khai thực hiện, Thường trực HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất để xem xét, quyết định đối với các khoản sau:

- Đối với khoản kết dư ngân sách năm 2017 chuyển nguồn năm 2018 sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện chi đầu tư phát triển 128.299.840.683 đồng. UBND tỉnh sớm có phương án phân bổ theo danh mục dự án và mức vốn cụ thể, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định trước khi triển khai thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công (trong đó ưu tiên bố trí để hoàn trả ngân sách địa phương đối với các dự án đã tạm ứng ngân sách);

- Đối với các khoản tiếp tục theo dõi xử lý, trong đó nguồn Chương trình mục tiêu còn thừa để tiếp tục chi Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền

vững 11.771.089.234 đồng, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ còn lại để xử lý theo đề nghị của Bộ Tài chính 222.981.841 đồng, nộp trả ngân sách trung ương kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão lụt còn thừa 2.474.000.000 đồng. Giao UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ ngân sách địa phương để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương. Khi được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh để xem xét, thống nhất trước khi phân bổ triển khai thực hiện;

- Đối với khoản Bộ Tài chính cấp bổ sung để xử lý hụt thu ngân sách tỉnh năm 2017, số tiền: 191.236.000.000 đồng. UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ, sử dụng, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất trước khi triển khai sử dụng theo quy định.

c) Đối với các khoản theo dõi thu hồi tạm ứng của các đơn vị, địa phương: 45.854.809.809 đồng, đề nghị UBND tỉnh có giải pháp xử lý, thu hồi theo quy định, báo cáo kết quả cho HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa X Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu – UBTVQH;
- UB Tài chính -NS Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thanh



PHỤ LỤC 01

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

(Kèm theo Nghị quyết số 14 /NQ-HĐND ngày 14 /12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: *Đồng*

S T T	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh
				Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	4.058.912.000.000	6.020.987.116.415	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.110.000.000.000	2.018.495.100.079	
-	Thu NSDP hưởng 100%	624.650.000.000	890.215.752.321	143%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.495.350.000.000	1.128.279.347.758	75%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.928.912.000.000	2.796.121.639.089	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	1.458.285.000.000	1.458.285.000.000	100%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	470.627.000.000	1.337.836.639.089	284%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính		-	
IV	Thu kết dư		407.016.950.078	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		743.602.532.076	
VII	Thu viện trợ		37.908.374.776	
IX	Thu quản lý qua ngân sách	20.000.000.000	17.181.373.692	
X	Thu vay ngân sách địa phương (Vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài)		661.146.625	
B	TỔNG CHI NSDP	3.770.902.001.000	5.562.066.729.446	
I	Tổng chi cân đối NSDP	3.625.223.001.000	3.927.085.987.616	108%
1	Chi đầu tư phát triển	738.418.000.000	1.046.037.386.316	142%
2	Chi thường xuyên	2.813.685.000.000	2.880.048.601.300	102%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000.000.000	1.000.000.000	100%
5	Dự phòng ngân sách	66.482.960.000		
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	5.637.041.000		
II	Chi các chương trình mục tiêu	125.679.000.000	99.507.812.196	79%

1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	106.053.000.000	99.507.812.196	94%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	19.626.000.000		
III	Chi quản lý qua ngân sách	20.000.000.000	17.181.373.692	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		1.398.379.814.540	
V	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		7.911.741.402	
VI	Chi trả nợ gốc		112.000.000.000	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP		458.920.386.969	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP		112.000.000.000	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh		112.000.000.000	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP		-	
I	Vay để bù đắp bội chi			
II	Vay để trả nợ gốc			
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP		180.069.500.000	

PHỤ LỤC 2

XỬ LÝ KẾT DƯ NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2017

(Kèm theo Nghị quyết số 44 /NQ-HĐND ngày 14 /12/2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền
Kết dư ngân sách cấp tỉnh năm 2017 được chuyển vào thu ngân sách tỉnh năm 2018 và theo dõi xử lý như sau: (A+B+C)	372.246.573.231
A.Phân bổ bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2018 (I+II)	129.626.891.736
I. Chi đầu tư (1+2+3+4)	12.542.591.800
1.Thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân thuộc dự án K1 (đã nộp vào ngân sách năm 2017 nhưng chưa phân bổ trong năm 2017)	213.268.000
2.Thực hiện hỗ trợ chênh lệch giá cây Nha Đam tại Dự án Khu quản lý vận hành khu chuyên gia và Dự án trụ sở làm việc Công an tỉnh (tiền sử dụng đất Khu quản lý dự án điện hạt nhân nộp ngân sách năm 2017)	3.194.323.800
3.Thực hiện Dự án các tuyến đường giao thông liên xã huyện Thuận Bắc (thu hồi vốn ứng trước)	8.000.000.000
4.Hỗ trợ thực hiện dự án D7-D10 (từ nguồn thu tiền bán,thuê, khấu hao nhà thuộc sở hữu nhà nước năm 2017 còn lại)	1.135.000.000
II. Chi thường xuyên (1+2)	117.084.299.936
1.Thực hiện một số nhiệm vụ từ nguồn CTMT, hỗ trợ có mục tiêu trung ương bổ sung năm 2017 và những năm trước còn lại (theo các văn bản thỏa thuận thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh : số 100/HĐND - VP ngày 13/7/2018 ; số 156/HĐND - VP và số 159/HĐND -VP ngày 10/10/2018)	57.603.217.436
2.Theo dõi thực hiện đóng BHYT cho đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi, người thuộc hộ cận nghèo, học sinh, sinh viên năm 2018 và chuyển nguồn tiếp tục thực hiện những năm tiếp theo (nếu còn)	56.452.000.000
3. Chi trả bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cho Bà Cao Thị Kính (thu hồi tạm ứng theo QĐ 2985/QĐ-UBND ngày 30/11/2016)	1.729.082.500
4.Kinh phí thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch của Ban quản lý các khu công nghiệp (thu hồi tạm ứng theo QĐ 1405/QĐ-UBND ngày 07/6//2016)	500.000.000



Handwritten signature

5.Kinh phí thực hiện lập quy hoạch chi tiết xây dựng Cảng cá Ninh Chữ (tỷ lệ 1/500) cảng cá Ninh Chữ (QĐ 1605/QĐ-UBND ngày 20/7/2015)	800.000.000
B.Chuyển nguồn năm 2018 sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện (I+II+III)	182.296.800.611
I.Chi trả nợ vay Ngân hàng phát triển	49.000.000.000
II.Chi đầu tư (1+2)	128.299.840.683
1.Chương trình MTQG	5.527.450.061
- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	322.420.029
- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	5.205.030.032
2.Chi đầu tư XCCB	122.772.390.622
III. Chi thường xuyên(1+2+3)	4.996.959.928
1.Chương trình MTQG	4.084.632.623
- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	3.515.007.317
- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	569.625.306
2.Thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa (NĐ 35/2015)	245.358.999
3.Thực hiện các chính sách an sinh xã hội	666.968.306
- Thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	155.597.926
- Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông theo NĐ116/2016/NĐ-CP	162.198.000
- Thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo theo Nghị định 06/2018 của Chính phủ	14.280.000
-Thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP	334.892.380
C. Theo dõi xử lý (I+II+III+IV)	60.322.880.884
I.Đề nghị Bộ Tài chính cho địa phương sử dụng nguồn CTMT còn thừa để chi thực hiện CTMT giảm nghèo bền vững (1+2)	11.771.089.234
1.KP CTMT còn thừa năm 2016 theo kiến nghị của kiểm toán	10.529.826.037
2.KP CTMT năm 2017 các huyện thực hiện còn thừa nộp trả	1.241.263.197
-Vốn hỗ trợ mục tiêu Chính phủ	519.092.186
- KP hỗ trợ đất ở đất sản xuất theo Quyết định 755/QĐ-TTg/2013 của Chính phủ	722.171.011
+ Vốn đầu tư	633.976.536
+ Vốn sự nghiệp	88.194.475
II.Theo dõi nguồn vốn trái phiếu chính phủ còn lại để xử lý theo đề nghị của Bộ Tài chính	222.981.841

III.Nộp trả NSTW KP thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão lụt còn thừa theo VB số 12068/BTC-NSNN ngày 11/9/2017 của Bộ Tài chính	2.474.000.000
IV.Theo dõi thu hồi tạm ứng của các đơn vị địa phương	45.854.809.809

Handwritten signature

